

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty cổ phần Pin Hà Nội

Năm 2023

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần Pin Hà Nội/Hanoi Battery Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Certificate of business registration No:0100100752
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 72.539.110.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: 72.539.110.000 VND
- Địa chỉ/Address: Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
- Số điện thoại/Telephone: 024- 3861 5365
- Số fax/Fax: 024- 3861 2549
- Website: www.habaco.com.vn
- Mã cổ phiếu /Securities code: PHN

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

+ Việc thành lập: Được đầu tư xây dựng theo sự giúp đỡ của Trung Quốc năm 1958, chính thức đi vào hoạt động năm 1960 với các tên gọi lần lượt qua các thời kỳ như: Nhà máy pin Văn Điển; Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội, Công ty Pin Hà Nội; chuyên cung cấp các sản phẩm pin thông dụng phục vụ quốc phòng và dân sinh với nhãn hiệu “Con Thỏ”.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ 01 tháng 01 năm 2004 theo quyết định số 207/QĐ-BCN ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

+ Tháng 3 năm 2011 phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore (GPBI) thuộc Tập đoàn pin GP, qua đó nâng vốn Điều lệ từ 19.740.000.000 đồng lên 34.545.000.000 đồng.

+ Tháng 3 năm 2011 thành lập công ty con Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty cổ phần Pin Hà nội góp 100% vốn) tại N3 khu C khu Công nghiệp Hòa Mạc thị trấn Hòa Mạc huyện

Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Mã số doanh nghiệp số: 0700524947 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11 tháng 3 năm 2011. Giấy chứng nhận đầu tư số 06221000118 do Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011.

+ Tháng 5 năm 2011 thành lập Chi nhánh Công ty CP Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh Đăng ký kinh doanh số 0100100752-002 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 8 năm 2022.

+ Tháng 10 năm 2015 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 51.184.430.000 VND

+ Tháng 12 năm 2015 ký hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore thành lập Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tại Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Tổng vốn Điều lệ 90 tỷ đồng Công ty cổ phần Pin Hà Nội góp 30% với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore góp 70%.

+ Tháng 7 năm 2016 giải thể Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội.

+ Tháng 12 năm 2017 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 72.539.110.000 VND.

+ Ngày 7 tháng 1 năm 2019 Sở GDCK Hà Nội ban hành Quyết định số: 20/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Pin Hà Nội với mã CK: PHN.

+ Niêm yết: Ngày 13 tháng 3 năm 2019 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (Mã CK: PHN) chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên tại Sàn GDCK Hà Nội theo Thông báo số 194/TB-SGDHN ngày 1 tháng 3 năm 2019.

+ Tháng 10 năm 2019: Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tăng vốn Điều lệ từ 90 tỷ đồng lên 275 tỷ 624 triệu đồng. Công ty CP Pin Hà Nội không góp vốn bổ sung do đó giảm tỷ lệ góp tại Công ty TNHH GP (Việt Nam) từ 30% xuống 9,8%.

+ Tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thực hiện thoái vốn giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước từ 21% xuống còn 2%.

+ Tháng 12 năm 2019 Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore mua lại 19% cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt nam nâng tỷ lệ sở hữu từ 30% lên 49% (sở hữu nước ngoài).

+ Tháng 1 năm 2024 Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tăng vốn Điều lệ từ 275 tỷ 624 triệu đồng lên 341.328.317.880 đồng. Công ty CP Pin Hà Nội không góp vốn bổ sung do đó giảm tỷ lệ góp tại Công ty TNHH GP (Việt Nam) từ 9,8% xuống 7,91%

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh cấp lại lần 14 ngày 26/07/2023 với mã số Doanh nghiệp: 0100100752.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:*

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp lần đầu ngày 2 tháng 1 năm 2004; sửa đổi lần thứ 14 ngày 26 tháng 07 năm 2023.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất pin và ắc quy	2720 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn Pin các loại, nguyên liệu phục vụ sản xuất pin)	4669
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.	8299
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chỉ gồm có: Cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi	6810

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

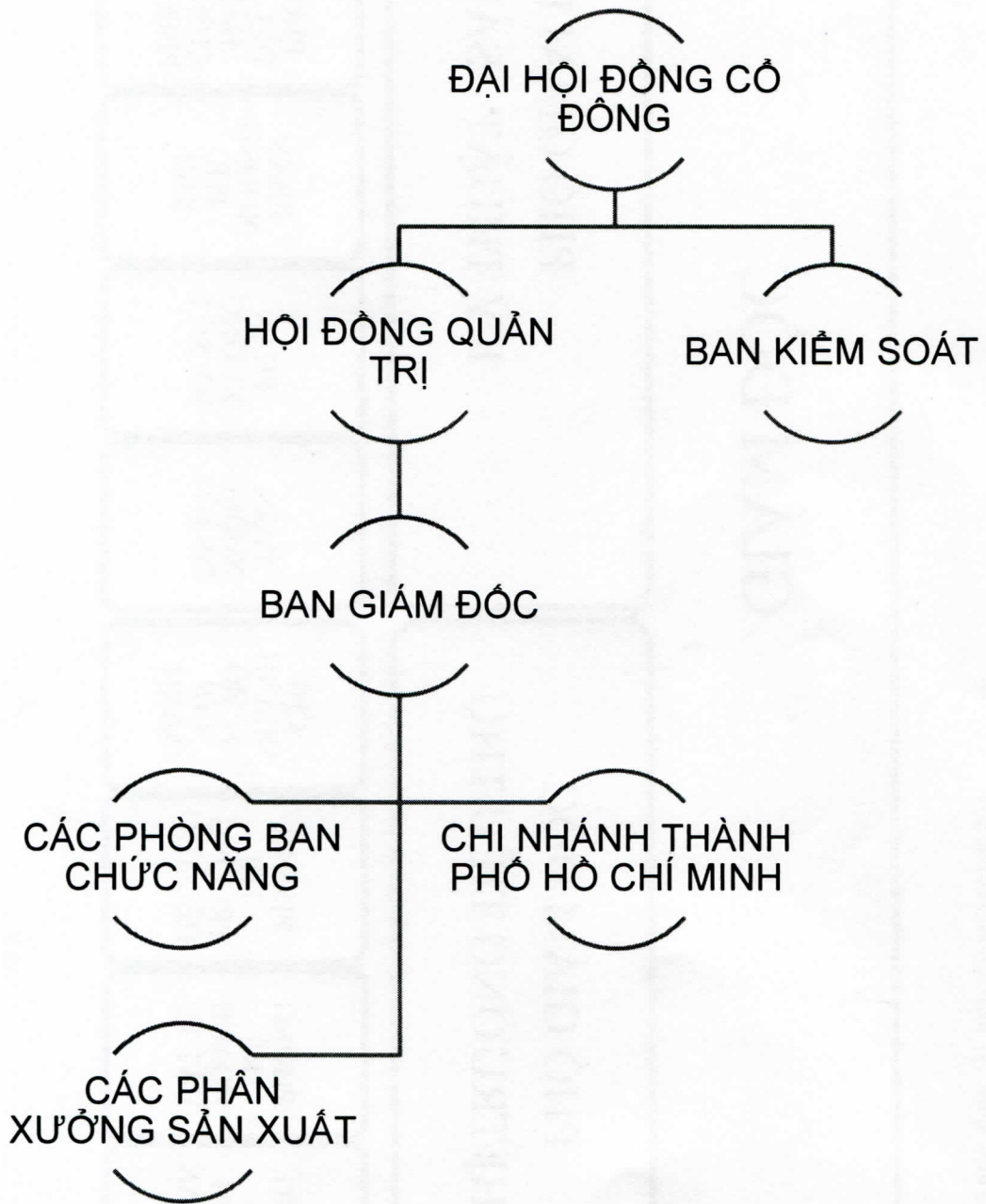
- + Thị trường chính của Công ty là toàn bộ các tỉnh phía Bắc, Miền trung và Tây nguyên;
- + Năm 2011 Công ty đã thành lập Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh nhằm hướng tới việc tiêu thụ các sản phẩm cao cấp và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh phía Nam;
- + Công ty có sản lượng xuất khẩu ổn định sang thị trường Lào, Campuchia và thông qua Cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore đã và đang đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Ấn độ, Đông Âu, Trung Á, Châu Phi, Nam Mỹ...
- + Công ty tái ký hợp đồng với GPBI để trở thành nhà phân phối độc quyền các sản phẩm pin nhãn hiệu GP tại thị trường Việt Nam từ tháng 9 năm 2019 sau một thời gian gián đoạn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.

- + Mô hình quản trị.

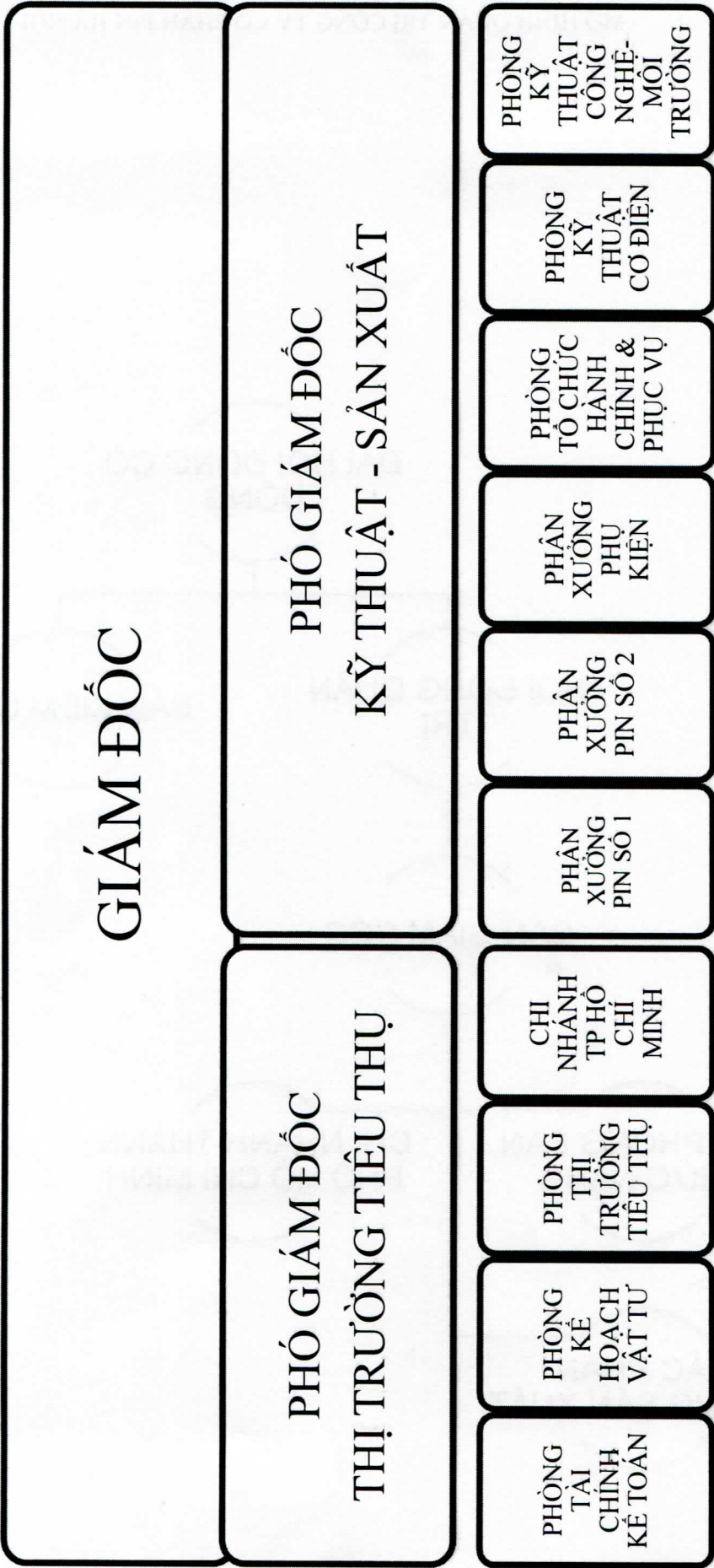
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI



1001

+ Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure*.



18

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*

+ *Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

Mã số thuế 0100100752002

Địa chỉ: Số 369J An Dương Vương, P10, Q6 Tp Hồ Chí Minh

Chức năng nhiệm vụ: có chức năng giới thiệu quảng bá, tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam.

Hình thức hạch toán: Chi nhánh có con dấu và tài khoản, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự điều hành của Công ty.

+ *Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):*

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 341.328.317.880 đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 7,91% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore nắm giữ 92,09% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

4. *Định hướng phát triển/ Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..*

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung đầu tư cho sản phẩm pin carbon zinc để nâng cao chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trong nước và sản phẩm nhập khẩu cùng loại về chất lượng, hình thức và giá cả.
- Đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường hướng tới phát triển bền vững.
- Đảm bảo hiệu quả và tuyệt đối an toàn vốn cho cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích cổ đông, lợi ích người lao động, lợi ích Nhà nước và trách nhiệm xã hội.
- Từng bước thay đổi phương thức bán hàng để dần dần có được một hệ thống bán hàng riêng của công ty tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý hiện có của công ty. Tiếp cận và triển khai các phương thức bán hàng mới, hiện đại, tìm biện pháp để kích cầu đến người tiêu dùng phù hợp với đặc thù của sản phẩm, giữ thị phần và tăng thị phần tiêu thụ trong nước, tăng cường xuất khẩu tiểu ngạch.
- Nỗ lực chủ động hoặc thông qua đối tác GPBI tìm kiếm thị trường xuất khẩu chính ngạch. Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện các quy trình trong quản lý, có kế hoạch đầu tư và tuyển dụng hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đối với thị trường xuất khẩu.
- Phối hợp hiệu quả với đối tác GPBI triển khai quảng bá và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm pin cao cấp (mà công ty chưa sản xuất) thương hiệu GP tại thị trường Việt Nam.

Ull

- Nâng cao năng lực sản xuất, đồng bộ hóa tiêu chuẩn kẽm đồng xu nhằm đáp ứng được yêu cầu cung ứng kẽm đồng xu cho Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) qua đó hạn chế tối đa nguồn kẽm đồng xu nhập khẩu, góp phần đảm bảo tỉ trọng nội địa hóa cho các sản phẩm xuất khẩu của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) đồng thời nâng cao hiệu quả cho phần vốn góp của Công ty vào Công ty liên doanh cũng như tối ưu hóa chi phí sản xuất khâu nấu cán kẽm của công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Phần đầu tăng bình quân 7%.

Biện pháp cụ thể:

- Đối với thị trường truyền thống: Bằng các biện pháp cụ thể và với sự hỗ trợ mở rộng thị trường và tăng thị phần từ GP.

Giữ vững và tăng thị trường hiện có ở trong nước, Lào và CPC, tăng R6 và R03 bù đắp cho R20 giảm để thị trường này tăng 5%, đến năm 2027 đạt 290 triệu viên pin các loại.

- Pin thương hiệu Kodak, xuất khẩu tại chỗ và khách hàng tiêu dùng công nghiệp: Phát huy kết quả đã đạt được của năm 2021 và 2022 phần đầu mỗi năm tăng 10% góp phần tăng 2-3% tổng sản lượng.

- Thị trường xuất khẩu thông qua GP: Phần đầu bình quân tăng >8%, bằng các biện pháp:

+ Duy trì, giữ vững và tăng sản lượng các thị trường hiện có.

+ Bằng mọi biện pháp đáp ứng yêu cầu nhập khẩu pin cho thị trường rất lớn của Ấn Độ và các thị trường khác.

+ Xuất khẩu pin thương hiệu “Con Thỏ” theo phân khúc tiêu dùng với mức chất lượng hiện tại theo định hướng của GP vào thị trường Đông Nam Á và Châu Phi.

- Sớm hoàn thiện công nghệ sản xuất pin không chì, thực hiện đúng lộ trình đã xây dựng trong việc sản xuất pin không chì nhằm tới mục tiêu sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn “Nhân xanh Việt Nam” đầu tiên trong cả nước.

- Tăng thị phần với đối tượng tiêu dùng pin thân thiện môi trường khi chính thức có sản phẩm thân thiện môi trường.

- Tập trung nguồn lực cùng với việc hỗ trợ của GP cho việc nghiên cứu thị trường trong nước đối với các sản phẩm cao cấp, kết hợp với thị trường của đã có của GP để định hướng đầu tư đầu tư sản phẩm mới theo xu thế tiêu dùng pin thông qua nhập khẩu GP tiêu thụ trong nước để đánh giá thị trường.

Về hiệu quả: Phần đầu lợi nhuận trước thuế đạt tỷ lệ > 45%/ VDL hiện tại; Trên cơ sở đó đảm bảo:

* Cổ tức > 25%.

* Đảm bảo tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển lợi nhuận sau thuế nhằm tích lũy cho đầu tư phát triển trong tương lai

* Giữ được tỷ lệ lợi nhuận chưa phân phối nhằm bình ổn cổ tức cho những năm lợi nhuận không đảm bảo.

* Trích cho quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Về địa điểm sản xuất:

Duy trì địa điểm sản xuất hiện tại đến khi có được đối tác hợp tác chuyển đổi có hiệu quả hoặc khi bắt buộc phải di dời theo quy hoạch. Từng bước chủ động tìm kiếm địa điểm, xây dựng phương án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất mới phù hợp với điều kiện của Công ty.

Về quản trị doanh nghiệp:

Tiếp cận và áp dụng quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo thông lệ quốc tế với sự hỗ trợ từ GP nhằm đáp ứng tất cả các yêu cầu của khách hàng tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phù hợp với giá bán sản phẩm và điều kiện cụ thể của công ty.

Về vốn:

Đảm bảo an toàn về vốn.

Căn cứ mục tiêu sản lượng, căn cứ nhu cầu đầu tư thực tế xem xét tăng vốn điều lệ từ các nguồn vốn thuộc vốn chủ sở hữu của công ty hoặc biện pháp khác.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chấp hành đúng pháp luật hiện hành trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*

Từ năm 2018 Công ty đã đầu tư thay đổi công nghệ nấu kềm bằng lò điện cảm ứng thay cho lò nấu dùng dầu DO để giảm thiểu tối đa phát thải khí, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo Quy chuẩn Việt Nam.

Năm 2020 Công ty đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 và đã được Quacert đánh giá, cấp chứng nhận số MT 427.21.24 cho HTQLMT của Công ty. Trong năm Công ty cũng đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn châu Âu BSCI, đã được tổ chức chứng nhận Intertek của Anh đánh giá chứng nhận đạt yêu cầu.

Về dài hạn Công ty sẽ hướng tới chi sản xuất sản phẩm xanh đạt tiêu chuẩn “Nhãn xanh Việt Nam” và tiêu chuẩn sản phẩm xanh theo tiêu chuẩn Châu Âu và quốc tế. Ngoài ra Công ty sẽ nghiên cứu sản xuất đa dạng hóa thêm sản phẩm, đưa ra thị trường các loại sản

phẩm có mức chất lượng cao hơn, đa dạng hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

5. Các rủi ro/ Risks:

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

- Thị trường tiêu thụ nội địa: Luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty SX pin trong nước dẫn tới không ổn định sản lượng, giá bán và doanh thu bán hàng.
- Thị trường xuất khẩu: phụ thuộc vào các đơn hàng từ cổ đông chiến lược. Chịu áp lực cạnh tranh về giá, đòi hỏi về chất lượng và mẫu mã ngày càng đa dạng. Do vậy việc công ty phải đổi mới với việc tăng hoặc giảm các đơn hàng một cách bất thường là điều khó tránh khỏi.
- Thị trường nguyên vật liệu đầu vào: Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty nên giá cả nguyên liệu đầu vào có tác động trực tiếp đến hiệu quả SXKD của Công ty. Nguyên liệu kềm thời (nguyên liệu có tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường kim loại màu thế giới với biên độ tăng giảm bất thường phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chính sách vĩ mô của các nước công nghiệp phát triển, nguồn cung ứng nguyên liệu cho ngành công nghiệp luyện kim... Ngoài ra các chủng loại nguyên liệu khác bao gồm có nguồn gốc nhập khẩu cũng như nội địa cũng chịu những ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách về môi trường, về năng lượng, về thuế quan...

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	9.411.735.596	-	-	9.411.735.596
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.930.261.868	-	-	14.930.261.868
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
	55.341.997.464	-	-	55.341.997.464
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.870.439.549	-	-	14.870.439.549
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.624.738.186	20.000.000	-	19.644.738.186
Các khoản cho vay	10.026.739.726	-	-	10.026.739.726
	44.521.917.461	20.000.000	-	44.541.917.461

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	10.288.577.697	-	-	10.288.577.697
Chi phí phải trả	3.132.416.693	-	-	3.132.416.693
	13.420.994.390	-	-	13.420.994.390
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.333.781.106	-	-	7.333.781.106
Chi phí phải trả	3.218.899.442	-	-	3.218.899.442
	10.552.680.547	-	-	10.552.680.547

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm.

Chi tiêu	Đơn vị	KH 2023 (HĐQT điều chỉnh ngày 31/10)	Thực tế		Tăng, giảm 2023/2022	Chênh lệch (%)	
			Năm 2022	Năm 2023		So với KH	So với 2022
1/ Sản xuất	1000 v	337.145	363.883	338.103	- 25.780	100,3%	92,9%
2/ Tiêu thụ	1000 v	337.145	363.471	327.916	- 35.555	97,3%	90,2%
Tổng hợp tiêu thụ							
TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak	1000 v		302.687	287.728	- 14.959		95,1%
TS tiêu thụ XK GP	1000 v		60.784	40.188	- 20.595		66,1%
3/ Doanh thu (Pin các loại)	Tỷ VND	404	417	392	- 25	97,1%	94,0%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	67	46	64	18	95,7%	138,5%

Đánh giá:

(Handwritten mark)

Trong năm, năm bắt được xu thế suy giảm kinh tế sau dịch Covid và một số yếu tố bất lợi khác dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nội địa giảm, HĐQT đã xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD, xác định mục tiêu mới phù hợp với tình hình thực tế.

Kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2023 mặc dù sụt giảm về sản lượng và doanh thu tuy nhiên Công ty đã đạt được nhiều mục tiêu quan trọng bao gồm tăng trưởng lợi nhuận, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành

- + Ông Nguyễn Thanh Hùng Chức vụ UV HĐQT - Giám đốc
Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy; Kỹ sư quản trị kinh doanh
Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần
- + Ông Nguyễn Cao Sơn Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc
Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa
Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần
- + Ông Võ Khánh Toàn: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc
Năm sinh 1973 Trình độ: cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần
- + Bà Nguyễn Thị Thùy Dương Chức vụ Kế toán trưởng
Năm sinh 1982 Trình độ: Cử nhân Tài chính Kế toán
Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management: Trong năm không có thay đổi nhân sự trong ban điều hành.* Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2023 bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thùy Dương giữ cương vị Kế toán trưởng. ✓

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./ *Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

- Lao động sử dụng bình quân: 274 người.
- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồng lao động: 17 người
- Lao động tuyển dụng mới: 18 người
- Tổng chi phí cho người lao động (bao gồm tổng quỹ lương và Cơm ca): 42.300,5 trđ; Thu nhập bình quân 12,6 trđ/người/tháng tăng 6,8% so với năm 2023. ✓

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Nguyên giá
L02	Máy móc, thiết bị		2.785.482.868
L04	Thiết bị, dụng cụ quản lý		82.000.000
L06	TSCĐ vô hình		213.702.712
	Tổng cộng:		3.081.185.580

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3, Khu C, Khu công nghiệp Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 341 tỷ và 328 triệu đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 7,91% vốn. GP Battery International Limited nắm giữ 92,09% vốn

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

Kết quả sản xuất kinh doanh cho năm tài chính 2023-24 (Kết thúc ngày 31/3/2024) ước tính :

- Doanh thu: 324 tỷ đồng.
- Tổng nguyên giá tài sản cố định: 249 tỷ đồng Khấu hao lũy kế 93,3 tỷ đồng
- Lợi nhuận tạo ra : 4,8 tỷ đồng
- Lỗ lũy kế: 91,8 tỷ đồng (báo cáo kiểm toán)

Thuận lợi – Khó khăn năm 2023

Thuận lợi năm 2023:

- Giá kềm giảm, đồng Nhân dân tệ mất giá cũng giúp giá các nguyên liệu khác giảm theo.
- Sản lượng tăng khoảng 11% so với năm trước liền kề.
- Chi phí logistic đã trở lại bình thường so với thời kỳ Covid-19.
- Số lượng lao động ổn định, tỷ lệ luân chuyển nhân viên thấp.

Khó khăn trong năm 2023:

- Bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của thị trường toàn cầu do chiến tranh, nhu cầu yếu do lạm phát.

- Chi phí lãi vay cao .

Kế hoạch năm 2024:

- Sản lượng: 341,2 triệu viên, tăng 19% so với năm 2023.

- Doanh thu: 372 tỷ đồng tăng 15% so với năm 2023.

- Lợi nhuận: 13,4 tỷ đồng.

- Lũy kế 78,4 tỷ đồng

- Nhân sự: Số lượng nhân viên hiện tại: 187 người trong nước và 1 người nước ngoài.

Thuận lợi – Khó khăn 2024:

Thuận lợi năm 2024 :

- Khoản vay của Công ty Mẹ được vốn hóa, giúp dòng tiền lành mạnh hơn và chi phí lãi vay ít hơn.

Những khó khăn trong năm 2024 :

- Sản lượng không ổn định do tình hình thị trường không chắc chắn.

- Thách thức khi chuyển đổi sang sản phẩm Pin kẽm không chỉ cho tất cả khách hàng.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year	Năm/Year	Ghi chú/Note
	2022	2023	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset – Inventories Short term Debt	5,30	5,39	lần
	2,36	2,15	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	14,73	15,38	%
	17,27	18,17	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio + Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	5,06	4,30	lần
	3,13	2,44	lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	7,96	12,04	%
	29,29	34,79	%
	24,97	29,44	%
	10,01	15,01	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares:

Tổng số cổ phần:	7.253.911 cổ phần
Số lượng CP chuyển nhượng tự do:	7.253.911 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

WA

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Cổ đông pháp nhân: 6 tổ chức nắm giữ 3.705.530 cp tương ứng 51,08% tổng số cp

Tên tổ chức	Số CP nắm giữ
Công đoàn Công ty CP Pin Hà Nội	5.264
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	144.533
GP BATTERIES INTERNATIONAL LIMITED	3.554.233
GTN ASIA FINANCIAL SERVICES (PTE.) LTD.	500
KB SECURITIES CO., LTD.	100
MIRAE ASSET DAEWOO CO.,LTD	900
Cộng	3.705.530

Cổ đông thể nhân: 320 người sở hữu 3.548.381 CP tương ứng 48,92%

Trong đó 02 cổ đông lớn:

Ông Phạm Văn Nghĩa sở hữu: 364.350 CP tương ứng 5,02%

Ông Lê Xuân Lương sở hữu: 425.700 CP tương ứng 5,87%

Cổ đông trong nước: 317 cổ đông sở hữu 3.692.898 CP tương ứng 50,91%

Cổ đông nước ngoài: 9 cổ đông sở hữu 3.561.013 CP tương ứng 49,09%

Ghi chú: Số liệu nêu trên căn cứ vào danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức chốt ngày 31 tháng 10 năm 2023 do Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam công bố ngày 2 tháng 11 năm 2023.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:

Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: **Không có**

e) Các chứng khoán khác/ Other securities: **Không có**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Giá trị vật liệu chính dùng cho sản xuất năm 2023: 250,6 tỷ đồng

- Giá trị vật liệu phụ dùng cho sản xuất năm 2023: 21,7 tỷ đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Tổng số lượng kẽm được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2023: 13 tấn từ tận thu tái sử dụng nguyên liệu.

- Tổng số lượng bột cực dương được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2023: 19,6 tấn từ tận thu tái sử dụng nguyên liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Tổng tiêu thụ điện năm 2023: 2.142.600 Kw tương đương 91,4% mức tiêu thụ điện năm 2022.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Công ty sử dụng nước sạch do Công ty cổ phần Viwaco cung cấp.

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty ước tính 85 m³/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2023: 26.019 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Số nước tái sử dụng là 20 m³/ngày ở khâu nấu cán kẽm liên hoàn. Với 300 ngày sản xuất trong năm, lượng nước tái sử dụng chiếm tỷ lệ 24% tổng lượng nước sử dụng.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/
Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

- Trong năm công ty không có lần nào bị xử phạt do không tuân thủ Luật pháp về bảo vệ môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/
The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.

Không

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/
Number of employees, average wages of workers.

- Lao động sử dụng bình quân: 274 người.

- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồng lao động: 17 người

- Lao động tuyển dụng mới: 18 người

- Tổng chi phí cho người lao động (bao gồm tổng quỹ lương và Cơm ca): 42.300,5 trđ;
Thu nhập bình quân 12,6 trđ/người/tháng tăng 6,8% so với năm 2023.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/
Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

- Tổng chi phí bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật và chống nóng cho người lao động năm 2023:
388,4 triệu đồng

- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2023: 367 triệu đồng

- Công ty duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ đúng hạn cho toàn thể CBCNV qua đó bố trí sắp xếp việc làm phù hợp với điều kiện sức khỏe của từng NLD.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/
Training employees

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/
The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.



TT	Nội dung đào tạo	Số người	Số giờ	Tổng số giờ
1	Tập huấn Phòng cháy chữa cháy, Thực tập thoát hiểm	33	8	264
2	Huấn luyện phương án xử lý sự cố hóa chất	13	8	104
3	Huấn luyện AT-VSLĐ cho người sử dụng lao động (nhóm 1)	24	16	384
4	Huấn luyện AT-VSLĐ cho người chuyên trách (nhóm 2)	1	40	40
5	Huấn luyện AT- VSLĐ (nhóm 3) Điện, hàn điện, hàn hơi	16	24	384
6	Huấn luyện AT- VSLĐ (nhóm 3) Thiết bị nâng hạ, xe nâng	40	24	960
7	Huấn luyện AT- VSLĐ (nhóm 3) Thiết bị áp lực	23	24	552
8	Huấn luyện AT- VSLĐ (nhóm 4) Người lao động	76	16	1.216
9	Huấn luyện An toàn vệ sinh viên (nhóm 6)	23	4	92
10	Huấn luyện Sơ cấp cứu (nhóm 6)	23	16	368
11	Huấn luyện ATLĐ nâng bậc lương hàng năm	2	8	16
12	Huấn luyện An toàn hóa chất	13	8	104
13	Đào tạo nâng bậc lương	2	8	16
14	Đào tạo tuyển dụng (26 công*8h)	7	208	1.456
15	Đào tạo an toàn vệ sinh thực phẩm	3	8	24
16	Đào tạo lại QTCN, VHMMTB công đoạn nấu kẽm	2	8	16
17	Đào tạo lại công nhân thành phẩm	9	8	72
18	Đào tạo lại QTVHMMTB, ATLĐ	3	8	24
19	Đào tạo chứng chỉ chuyên môn về Y tế lao động	1	40	40
20	Đào tạo QTCN và Quản lý chất lượng sản phẩm	16	8	128
21	Đào tạo QTCN sản xuất Pin R6, R03 và quản lý CLSP	16	8	128
22	Đào tạo tiêu chuẩn phóng điện	2	8	16
	Tổng	346		6.404

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Nội dung đào tạo gồm đào tạo làm việc theo hướng dẫn, đào tạo nội qui lao động, qui chế công ty, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hướng dẫn ghi biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhận thức về ISO9001:2015; ISO14001:2015; Hệ thống Trách nhiệm xã hội BSCI, SA-8000, Hệ thống đánh giá nội bộ. Đào tạo về vệ sinh, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn ứng phó sự cố... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ nhân viên nghiệp vụ tham gia các lớp tập huấn về chế độ chính sách mới. Các lớp bồi dưỡng về kỹ năng bán hàng, marketing, phát triển thị trường cũng được công ty quan tâm tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở

- Tổng số tiền tham gia các quỹ xã hội, từ thiện trong năm 2023: 53.800.000 đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

Chi tiêu	Đơn vị	KH 2023 (HĐQT điều chỉnh ngày 31/10)	Thực tế		Tăng, giảm 2023/2022	Chênh lệch (%)	
			Năm 2022	Năm 2023		So với KH	So với 2022
1/ Sản xuất	1000 v	337.145	363.883	338.103	- 25.780	100,3%	92,9%
2/ Tiêu thụ	1000 v	337.145	363.471	327.916	- 35.555	97,3%	90,2%
Tổng hợp tiêu thụ							
TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak	1000 v		302.687	287.728	- 14.959		95,1%
TS tiêu thụ XK GP	1000 v		60.784	40.188	- 20.595		66,1%
3/ Doanh thu (Pin các loại)	Tỷ VND	404	417	392	- 25	97,1%	94,0%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	67	46	64	18	95,7%	138,5%

Đánh giá:

1.1 Sản lượng sản xuất

Tổng số Pin sản xuất đạt: 338,103 triệu viên pin các loại; Đạt 87,8% % so với NQ ĐHCĐ; Đạt 100,3 % so với kế hoạch điều chỉnh của HĐQT; giảm 7,1% so với năm 2022.

1.2 Kết quả tiêu thụ:

Tổng số Pin tiêu thụ đạt: 327.916 triệu viên pin các loại; Đạt 97,3 % so với KH điều chỉnh; giảm 9,8%% so với năm 2022.

1.3 Đánh giá kết quả tiêu thụ:

a/ Đối với thị trường truyền thống:

Thị trường Nội địa:

Pin R20 tiếp tục đà suy giảm theo xu thế, năm 2023 giảm 5,4 % so với năm 2022. Tốc độ suy giảm chậm lại so với năm 2022 (Năm 2022 giảm 14%) do Công ty củng cố và giữ vững được thị phần tại thị trường Lào và Campuchia.

Pin R6 suy giảm 6,5 %, Pin R03 suy giảm 1,7% so với năm 2022 do tác động của một số nguyên nhân:

- Từ 1 - 1 - 2023 Thuế VAT trở lại mức 10% so với 8% áp dụng năm 2022 nên các Đại lý bán buôn tăng cường tích trữ hàng hóa vào tháng 12 năm 2022 gây ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ đầu năm 2023.
- Tình hình suy thoái kinh tế sau Đại dịch Covid 19 diễn ra trên diện rộng tác động tiêu cực vào sức mua của thị trường.
- Hoạt động dịch vụ Karaoke bị hạn chế do không đáp ứng được các yêu cầu về PCCN cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ đặc biệt là pin R6.

Thị trường Lào và Campuchia: Do dịch bệnh đã được kiểm soát và xuất nhập cảnh giữa các nước cơ bản đã trở lại bình thường, Công ty đã cử được các đoàn công tác sang hai nước, đặc biệt là sang Lào để làm thị trường hỗ trợ bán hàng, kiểm soát đánh giá thị trường tại Lào và Campuchia, từ đó từng bước phục hồi và củng cố thị trường.

Về hoạt động của Chi nhánh Công ty tại Tp HCM: Từ 1/7/2023 Chi nhánh thực hiện quy chế tự chủ thu chi bao gồm chi phí tiền lương, chi phí bán hàng và chi phí quản lý thường xuyên khác theo Quyết định của Công ty. Trong năm 2023 Chi nhánh đạt doanh thu 11 tỷ đồng, đóng góp hơn 200 triệu lợi nhuận trước thuế vào hiệu quả chung của Công ty.

b/ Đối với khách hàng Kodak

Vẫn duy trì được khách hàng xuất khẩu Pin nhãn hiệu Kodak thông qua việc Công ty hợp tác với đối tác Thương mại tại Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ. Trong năm Công ty đã linh hoạt điều chỉnh chính sách giá năm đảm bảo khả năng cạnh tranh của sản phẩm qua đó duy trì được sản lượng đối với nhãn hàng Kodak và tạo đà cho năm 2024.

c/ Đối với xuất khẩu

Xuất khẩu tại chỗ:

Sản lượng tiêu thụ R6 tăng 55% so với cùng kỳ 2022 do khách hàng Hàn Quốc phục hồi sản xuất sau dịch Covid. Sản lượng tiêu thụ Pin R03 giảm 9,7% so với cùng kỳ 2022. Công ty chưa khai thác thêm được khách hàng công nghiệp tại các khu chế xuất do nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó nguyên nhân chủ quan đóng vai trò không nhỏ.

Xuất khẩu qua GP:

Sản lượng giảm nhiều so với mục tiêu đề ra, mặc dù Pin R6 có phục hồi sản lượng và đạt mức 400 % so với năm 2022 nhưng với tỉ trọng thấp hơn nhiều so với Pin R03 nên không đủ bù đắp cho sự suy giảm của Pin R03. Pin R03 giảm 44% dẫn đến Tổng Sản lượng xuất khẩu qua GP giảm 34 % so với năm 2022.

Dự án xuất khẩu Pin vào Ấn độ: Đến tháng 8/2022 tổ chức đánh giá cấp chứng nhận BIS của Chính phủ Ấn độ mới đến Công ty để kiểm toán theo Tiêu chuẩn Ấn độ IS 8144 cho sản phẩm của Công ty và đến tháng 12/2022 mới hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận do đó trong năm 2022 Công ty chưa đủ điều kiện để đón nhận đơn hàng từ Ấn độ.

Từ 2023 Công ty đã đủ điều kiện để xuất khẩu vào Ấn độ tuy nhiên khối lượng đơn hàng chưa đạt được như kỳ vọng do phía đối tác GP chưa củng cố được thị trường tiêu thụ tại thị trường này.

d/ Đối với Pin thương hiệu GP nhập khẩu tiêu thụ tại thị trường Việt Nam

Công ty đã hợp tác chặt chẽ với đối tác trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự bán hàng, từng bước mở rộng thị trường thông qua việc mở mới các nhà phân phối cho kênh bán hàng siêu thị, nhà sách... Đối tác GP cung cấp nguồn lực tài chính đảm bảo xây dựng được bước giá và chính sách chiết khấu phù hợp với diễn biến thị trường đảm bảo khả năng cạnh tranh của sản phẩm cũng như quảng bá được thương hiệu hình ảnh sản phẩm đến thị trường. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm GP Nhập khẩu tăng 28% so với năm 2022 là tín hiệu khá tích cực tuy nhiên đóng góp không nhiều vào tổng doanh thu cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

1.4 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu đạt: 432,06 tỷ đồng, giảm 42,34 tỷ đồng so với năm 2022, giảm 79,4 tỷ so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	391.752.235.210	416.686.623.774
Doanh thu bán hàng hóa	7.691.182.312	6.106.103.217
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	29.226.048.421	48.440.634.571
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.388.999.359	3.161.981.512
	<u>432.058.465.302</u>	<u>474.395.343.074</u>

1.5 Về chỉ tiêu Hiệu quả:

Mục tiêu năm 2023 đề ra tại NGHỊ QUYẾT ĐH CỔ ĐÔNG là 43,2 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế,

Kết quả lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 63,94 tỷ đồng, tăng 20,74 tỷ đồng so với NQ ĐHCĐ, tăng 17,8 tỷ so với năm 2022 và giảm 2,86 tỷ đồng so với kế hoạch điều chỉnh của HĐQT.

Nguyên nhân chủ yếu do giá nguyên liệu đầu vào chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành như Kẽm thỏi, Măng gan điện giải giữ bình ổn ở mức thấp hơn dự báo kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ đạt 88,15%.

1.6 Nộp ngân sách Nhà nước: Tổng nộp ngân sách trong năm 32,5 tỷ đồng (số đã nộp) theo đúng quy định của pháp luật, tăng 8 tỷ đồng so với năm 2022.

1.7 Về đầu tư:

Danh mục đầu tư hoàn thành năm 2023

Mã tài sản	Tên tài sản	Nguyên giá
L02	Máy móc, thiết bị (3 hạng mục)	2.785.482.868
L04	Thiết bị, dụng cụ quản lý (1 hạng mục)	82.000.000
L06	TSCĐ vô hình (1 hạng mục)	213.702.712
	Tổng cộng:	3.081.185.580

Các hạng mục mới đầu tư đã đưa vào vận hành, khai thác phát huy hiệu quả ngay trong quá trình sử dụng.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	69.724.788	106.558.328
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.411.735.596	14.870.439.549
	9.481.460.384	14.976.997.877

PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	2.938.108.736	-	7.569.898.823	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	315.837.190	-	88.447.987	-
GPI International Limited	-	-	6.328.273.952	-
GP Battery Marketing (HK) Limited	2.622.271.546	-	1.153.176.884	-
<i>Bên khác</i>	9.551.144.157	(336.505.556)	10.565.885.603	(336.505.556)
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	2.293.049.089	-	1.276.300.041	-
Phải thu khách hàng khác	7.258.095.068	(336.505.556)	9.289.585.562	(336.505.556)
	12.489.252.893	(336.505.556)	18.135.784.426	(336.505.556)

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hán Đô Nghi Quảng Tây	-	-	2.857.460.765	-
- PINGXIANG SHI CHENGTAI TRADING CO.,LTD	-	-	2.086.419.200	-
- Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	27.883.438	-	843.249.329	-
- Công ty TNHH INTERTEK Việt Nam	30.759.292	-	49.960.865	-
- Các đối tượng khác	59.627.581	-	7.020.901	-
	118.270.310	-	5.844.111.060	-

PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	503.416.437	-	117.260.274	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	196.894.999	-	206.853.722	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	20.613.568	-	33.447.833	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	15.466.497	-	17.997.237	-
Tạm ứng	221.980.411	-	371.676.748	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.000.000.000	-
Các đối tượng khác	1.819.142.619	-	78.223.502	-
	2.777.514.531	-	1.825.459.316	-

Dài hạn

Ký cược, ký quỹ	-	-	20.000.000	-
	-	-	20.000.000	-

NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51.540.380	-	51.540.380	-
- Mai Ngọc Hoà	29.360.789	-	29.360.789	-
- Các khoản khác	255.604.387	-	255.604.387	-
	336.505.556	-	336.505.556	-

HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Nguyên liệu, vật liệu	67.122.661.016	(240.047.728)	46.057.838.068	(240.047.728)
Công cụ, dụng cụ	79.365.883	-	40.019.350	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.169.797.328	-	6.478.948.138	-
Thành phẩm	14.721.419.847	-	7.176.527.932	-
Hàng hoá	1.720.210.075	-	4.135.597.440	-
	<u>86.813.454.149</u>	<u>(240.047.728)</u>	<u>63.888.930.928</u>	<u>(240.047.728)</u>

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.895.731.167	53.832.162.629	6.480.452.415	373.113.364	72.581.459.575
- Mua trong năm	-	2.785.482.868	-	82.000.000	2.867.482.868
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.895.731.167	56.617.645.497	6.480.452.415	455.113.364	75.448.942.443
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.895.731.167	43.310.547.363	5.337.010.949	334.615.835	60.877.905.314
- Khấu hao trong năm	-	3.802.002.732	293.819.494	87.448.008	4.183.270.234
- Phân loại lại	-	-	16.157.456	(16.157.456)	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.895.731.167	47.112.550.095	5.646.987.899	405.906.387	65.061.175.548
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	10.521.615.266	1.143.441.466	38.497.529	11.703.554.261
Tại ngày cuối năm	-	9.505.095.402	833.464.516	49.206.977	10.387.766.895

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.274.415.715 VND.

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	97.244.000
- Mua trong năm	213.702.712
Số dư cuối năm	310.946.712
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	97.244.000
- Khấu hao trong năm	13.004.281
- Tăng khác	(4.100.001)
Số dư cuối năm	106.148.280
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	204.798.432

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.244.000 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay '

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	75.713.767	13.343.246
Chi phí mua bảo hiểm	21.419.104	190.573.956
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	164.692.229	102.885.416
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	129.145.833	-
	390.970.933	306.802.617
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	347.330.067	449.623.946
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.095.419.093	549.639.608
Chi phí trả trước dài hạn khác	108.860.253	346.284.120
	1.551.609.413	1.345.547.674

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Bên liên quan</i>	535.759.267	535.759.267	1.637.869.963	1.637.869.963
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	535.759.267	535.759.267	1.637.869.963	1.637.869.963
<i>Bên khác</i>	7.909.680.633	7.909.680.633	2.504.723.853	2.504.723.853
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam Tại TPHCM	-	-	2.102.760.000	2.102.760.000
V-RESOURCE LIMITED	3.319.920.000	3.319.920.000	-	-
GUANGXI GUILIU NEW MATERIAL CO., LTD	3.287.908.800	3.287.908.800	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	1.301.851.833	1.301.851.833	401.963.853	401.963.853
	8.445.439.900	8.445.439.900	4.142.593.816	4.142.593.816

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	473.989.355	15.619.214.941	16.093.204.296	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	398.368.901	-	487.280.219	566.561.766	477.650.448	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.272.252.672	12.903.435.969	10.778.941.472	-	5.396.747.169
Thuế Thu nhập cá nhân	-	307.368.799	1.131.008.501	846.722.655	-	591.654.645
Thuế Tài nguyên	-	-	4.215.250	4.215.250	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.104.247.660	4.104.247.660	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.160.891	52.852.057	73.540.421	-	3.472.527
	398.368.901	4.077.771.718	34.302.254.597	32.467.433.520	477.650.448	5.991.874.341

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.574.994.873	1.711.077.491
Chi phí phải trả khác	1.557.421.820	1.507.821.951
	3.132.416.693	3.218.899.442

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	85.316.284	90.063.137
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.522.395.014	2.953.999.997
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	49.513.500	83.513.500
Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	111.000.000	39.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.912.999	24.610.656
	1.843.137.797	3.191.187.290

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- + Về cơ cấu tổ chức, Công ty đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện mô hình công ty cổ phần với mục tiêu đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các yêu cầu quản trị doanh nghiệp đối với công ty niêm yết.
- + Về công nghệ và quản lý chất lượng:
 Hệ thống quản lý chất lượng ISO9001:2015 vẫn được duy trì và thường xuyên được kiểm toán đánh giá nội bộ, qua kiểm toán nội bộ đã phát hiện chỉ ra những điểm không phù hợp, những lỗi của người lao động để từ đó xử lý vi phạm và đề ra ngay biện pháp khắc phục phòng ngừa và cải tiến nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống.
 Nhờ thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, quản lý sản xuất và định mức vật tư nên trong năm không để xảy ra sự cố chất lượng sản phẩm ở mức độ nghiêm trọng, tỷ lệ phế phẩm đạt mục tiêu và sử dụng định mức vật tư đúng quy định tại tất cả các đơn vị sản xuất. Pin xuất khẩu và pin nội địa đều đạt tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng
 Từ năm 2020, Công ty đã sản xuất nhiều lô pin R6 xuất khẩu theo tiêu chuẩn IEC60086-2:2015 (đường kính pin $\geq 13,7$ mm) và đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng.
- + Về vấn đề môi trường:
 Công ty vẫn duy trì áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015. Công ty luôn quan tâm và thực hiện nghiêm túc việc duy trì công tác bảo vệ môi trường theo qui định của pháp Luật.
- + Về chính sách đối với người lao động (BSCI):
 Công ty đã chủ động tiếp cận và áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn Châu Âu BSCI. Các chính sách đối với người lao động được Công ty tuân thủ theo Luật lao động, NQLĐ và Thỏa ước lao động tập thể.

 Tổ chức Intertek đã hoàn thành đánh giá việc tuân thủ BSCI tại công ty cho năm 2023, đã có báo cáo đánh giá vào hệ thống BSCI toàn cầu, mã số báo cáo 704-000016-001, kết quả đánh giá đạt mức C, có giá trị hiệu lực đến 6/2/2025 (hiệu lực trong vòng 1 năm từ ngày 6/2/2024 đến 6/2/2025).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	SS với thực hiện năm 2023	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ \pm %
1	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ	1000 viên	386.432	58.516	17,8%
2	Tổng Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	483,6	51,6	11,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	69,5	5,6	8,8%
4	Cổ tức dự kiến	%	50	0	0%

Các chi phí cơ bản

Nguyên vật liệu chính và phụ có định mức được xác định trên cơ sở

- Định mức tiêu hao vật tư không thay đổi so với thực hiện của năm 2023 ngoại trừ điều chỉnh định mức kẽm thời nhằm mục đích nâng thời hạn bảo quản cho pin R20.
- Giá các loại vật tư chính chiếm tỷ trọng lớn như kẽm ước tính 3000 USD/tấn, mangan điện giải 15.900 CNY/tấn.
- Tỷ giá dự kiến: VND/ USD: 25.000 đồng; Tỷ giá VND/ CNY: 3.450 đồng
- Các vật tư khác: Về cơ bản ổn định so với năm 2023

Vật liệu phụ ngoài mức: được xác định trên cơ sở chi phí thực tế năm 2023 sau khi loại trừ các yếu tố biến động bất thường.

Nhiên liệu: Căn cứ tình hình thực hiện năm 2023 điều chỉnh cho phù hợp với khung sản lượng 2024

Điện động lực: không thay đổi định mức tiêu thụ điện so với năm 2023 và dự kiến giá điện tăng 6% từ T7 2024, chi phí điện tăng bình quân năm 2024: 3%

Khấu hao cơ bản: Trên cơ sở giá trị còn lại của TSCĐ và có đầu tư mới.

Chi phí sửa chữa lớn: Căn cứ tình hình thực hiện năm 2023 và nhu cầu phát sinh 2024, điều chỉnh và phân bổ phù hợp với qui mô sản lượng 2024

Chi phí cho Người Lao động:

Tổng số Lao động dự kiến 274 người

Tiền lương: tăng 8,6% so với ĐGTL năm 2023 nhằm mục tiêu bám sát tiến trình cải cách tiền lương của Nhà nước và phù hợp với mặt bằng thu nhập xã hội trên địa bàn.

Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn: theo quy định và chế độ chính sách, ước tính tăng 3% so với 2023.

Chi phí bán hàng: 9 % doanh thu

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): **Không**

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/
Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/
Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty ước tính 85 m³/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2023: 26.019 m³

104

Công ty vẫn duy trì áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015. Công ty luôn quan tâm và thực hiện nghiêm túc việc duy trì công tác bảo vệ môi trường theo qui định của pháp Luật.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Công ty đã xây dựng được quy chế tiền lương hợp lý được Hội nghị Người Lao động hàng năm thông qua. Qua đó vấn đề việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo. Thu nhập bình quân năm 2023 của Người lao động đạt 12,6 trđ/ng/tháng tăng 6,8% so với mức thu nhập bình quân năm 2023.

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động, điều kiện làm việc được đảm bảo. Nhờ vậy người lao động trong Công ty có tâm lý yên tâm làm việc gắn bó với Công ty.

Hoạt động của tổ chức Công đoàn cũng được vận hành đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho người lao động qua đó không để xảy ra hiện tượng mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Công ty đã chủ động tiếp cận và áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn Châu Âu BSCI. Các chính sách đối với người lao động được Công ty tuân thủ theo Luật lao động, NQLĐ và Thỏa ước lao động tập thể.

Tổ chức Intertek đã hoàn thành đánh giá việc tuân thủ BSCI tại công ty cho năm 2023, đã có báo cáo đánh giá vào hệ thống BSCI toàn cầu, mã số báo cáo 704-000016-001, kết quả đánh giá đạt mức C, có giá trị hiệu lực đến 6/2/2025 (hiệu lực trong vòng 1 năm từ ngày 6/2/2024 đến 6/2/2025).

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Công ty hoạt động tại địa phương với thời gian hơn 60 năm luôn được chính quyền địa phương đánh giá cao về trách nhiệm cộng đồng. Một số lượng không nhỏ CBCNV của Công ty hiện còn đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu tại Khu tập thể Công ty cũng được Công ty quan tâm về điều kiện sinh hoạt thông qua các công trình phúc lợi như nhà Văn Hóa, Sân chơi tập thể .v.v. hoặc thăm hỏi quà tết hàng năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

1.1 Về mục tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận:

HDQT ghi nhận kết quả tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận thực hiện năm 2023 là khá tích cực. Đặc biệt là mức tăng trưởng chỉ tiêu lợi nhuận trong bối cảnh suy giảm sức mua tại thị trường nội địa và xuất khẩu. HDQT ghi nhận một số kết quả tích cực trong điều hành góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đạt chỉ tiêu lợi nhuận vượt mức kế hoạch đặt ra gồm:

- Tổ chức sản xuất linh hoạt, hài hòa đảm bảo cơ cấu tồn kho hợp lý đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu tăng trưởng của Thị trường đặc biệt là trong Q1 và Q4 năm 2023.
- Thực hiện tốt công tác quản lý chi phí sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý môi trường và trách nhiệm xã hội theo đúng quy định.
- Kiểm soát tốt chi phí bán hàng, xây dựng chính sách chiết khấu hợp lý hiệu quả qua đó tiết giảm được chi phí bán hàng nhưng vẫn đảm bảo được khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Tuy nhiên HDQT tại các phiên họp thường kỳ đã chỉ ra những bất cập trong điều hành mà Ban Giám đốc cần nghiêm túc tiếp thu, khắc phục nhằm phát huy hơn nữa những lợi thế của Công ty đồng thời hạn chế tối đa những rủi ro tiềm ẩn có nguy cơ phát sinh gây ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

1.2 Về đầu tư:

Trong năm, Công ty đã hoàn tất đầu tư 5 hạng mục tài sản cố định bao gồm 3 hạng mục máy móc thiết bị, một hạng mục thiết bị quản lý và một hạng mục TSCĐ vô hình. Tổng giá trị đầu tư hoàn thành là 3,081 tỷ đồng.

HDQT đánh giá các khoản đầu tư nêu trên là cần thiết và phù hợp với nhu cầu của Công ty. Các khoản đầu tư cũng đã phát huy được hiệu quả góp phần bình ổn sản xuất, từng bước nâng cao năng suất lao động và đảm bảo an toàn cho hoạt động của Công ty.

1.3 Vấn đề niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán: Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ tháng 3 năm 2019. Khối lượng giao dịch trong năm không lớn do các Cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty chủ yếu với mục đích đầu tư dài hạn. Tổng khối lượng cổ phiếu giao dịch trong năm 2023 ước tính 43 ngàn cổ phiếu.

Trong năm Công ty không bị UBCKNN hoặc Sở GDCK Hà Nội nhắc nhở hay xử phạt hành chính vì vi phạm các quy định đối với công ty niêm yết.

1.4 Công tác cán bộ: HDQT yêu cầu BGD khẩn trương hoàn thiện qui hoạch, kiện toàn nhân sự quản lý để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

1.5 Về lao động và việc làm: Việc làm và thu nhập cho người lao động được đảm bảo và duy trì ở mức khá cao so với mặt bằng chung tại địa phương. Đội ngũ công nhân viên lao động có tay nghề, kỹ năng tốt đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

- Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết, các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc. Hội đồng Quản trị ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;

- HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và yêu cầu giám đốc và BGD phải có biện pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Quyết tâm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Chủ động bố trí nhân sự bám sát diễn biến giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán, phản ứng kịp thời và có hiệu quả nhất nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tăng cường công tác giám sát đối với Giám đốc và BGD cũng như các cán bộ quản lý khác để có biện pháp giải quyết tích cực và kịp thời. Ban hành các nghị quyết, quy chế quản lý công ty phù hợp nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của Ban giám đốc, đồng thời đảm bảo an toàn vốn cho công ty cũng như có hiệu quả cao nhất.

- Triển khai một cách đồng bộ và quyết liệt những giải pháp nhằm khắc phục một cách hiệu quả và triệt để những tồn tại trong quản trị, điều hành, quản lý Công ty mà HĐQT qua kiểm điểm đã chỉ ra.

- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, nắm bắt tình hình SXKD của Công ty. Thông qua đó sẽ có chủ trương, ý kiến chỉ đạo kịp thời trong điều hành.

- Ngoài ra HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền giải quyết.

- Giám sát việc kiện toàn nhân sự một số phòng, phân xưởng, xây dựng quy hoạch và đào tạo cán bộ chủ chốt của công ty trên cơ sở cán bộ hiện có và có năng lực trình độ, có nguyện vọng làm việc và cống hiến cho công ty.

- Công tác điều hành và quản lý, công ty thường xuyên đánh giá định kỳ các nội dung cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh, các biện pháp điều hành, tìm ra nguyên nhân các

001

mục tiêu không đạt được, các vấn đề còn tồn tại, biện pháp giải quyết, xác định trách nhiệm của cá nhân đơn vị.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ/ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Số cổ phần năm giữ, tỉ lệ năm giữ
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
			<i>Date of appointment</i>	<i>Date of dismissal</i>	
1	Ông: Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	29/04/2022		364,350 CP (5,02%)
2	Ông: Nguyễn Thanh Hùng	TV HĐQT	29/04/2022		117,980 CP (1,63%)
3	Ông: Nguyễn Cao Sơn	TV HĐQT	29/04/2022		7,723 CP (0,11%)
4	Ông: Võ Khánh Toàn	TV HĐQT	29/04/2022		16.800 CP (0,23%)
5	Bà Quek Guet Ngoh	TV HĐQT không điều hành	29/04/2022		0 CP (0%)
6	Ông Lam Hin Lap Michael	TV HĐQT độc lập	29/04/2022		0 CP (0%)
7	Ông: Yarmalu Prasad Tantry	TV HĐQT độc lập	29/04/2022	05/06/2023	0 CP (0%)

8	Ông Edward Lam Wai Man	TV HDQT độc lập	05/06/2023	29/04/2022	OCP (0%)
---	------------------------	-----------------	------------	------------	----------

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*:

Stt No.	Thành viên HDQT/ <i>Board of Director member</i>	Số buổi họp HDQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông: Phạm Văn Nghĩa	11/11	100%	
2	Ông: Nguyễn Thanh Hùng	11/11	100%	
3	Ông: Nguyễn Cao Sơn	9/11	81.82%	
4	Ông: Võ Khánh Toàn	11/11	100%	
5	Bà Quek Guet Nghoh	11/11	100%	
6	Ông Lam Hin Lap Michael	10/11	90.91%	
7	Ông: Yarmalu Prasad Tantry		0	Miễn nhiệm từ 5/6/2023
8	Ông Lam Wai Man Edward	5/11	45.45%	Bổ nhiệm mới từ 5/6/2023

Trong năm 2023, HDQT tổ chức 11 phiên họp với nội dung chính như sau:

Nội dung phiên họp lần 1: 27/02/2023.

- Tổng kết đánh giá năm 2022
- Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022
- Phân tích kết quả tháng 1 năm 2023



- Xem xét điều chỉnh KHSXKD năm 2023
- Dự kiến đầu tư năm 2023
- Xem xét vấn đề nhân sự.
- Chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Nội dung phiên họp lần 2: 21/03/2023

- Thông qua chương trình đại hội và phân công chuẩn bị cho đại hội Đồng cổ Đông tổ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 2023.
- Xem xét thông qua nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT.
- Xem xét thông qua nội dung Báo cáo Kết quả Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
- Xem xét thông qua nội dung Báo cáo Quyết toán tài chính năm 2022.
- Xem xét thông qua nội dung Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2022.
- Xem xét thông qua nội dung về lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023.
- Xem xét thông qua nội dung báo cáo của ban kiểm soát năm 2022.
- Xem xét kết quả thực hiện tháng 2 và 2 tháng năm 2023
- Đề nghị BGD đánh giá KH tiêu thụ năm 2023.
- Kế hoạch đầu tư năm 2023.

Nội dung phiên họp lần 3: 02/04/2023.

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
- Thông qua biên bản của BKS quý IV.
- Báo cáo thường niên năm 2022.

Nội dung phiên họp lần 4: 20/04/2023

- Xem xét công tác chuẩn bị Đại hội và chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
- Thị trường Pin xuất khẩu năm 2023.

Nội dung phiên họp lần 5: 21/04/2023

Triển khai, phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo các lĩnh vực phụ trách để thực hiện NQ ĐHĐCĐ năm 2023

- Đánh giá kết quả quý I năm 2023
- Chốt danh sách chi trả cổ tức năm 2022
- Về Công tác quy hoạch cán bộ tại Habaco:
 - + Thông báo về danh sách nhân sự quy hoạch chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT như: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Đảng ủy Công ty giới thiệu để HĐQT xem xét, quy hoạch và đào tạo...;
 - + Xem xét chủ trương kéo dài thời gian làm việc đối với CBCNV khi đến tuổi nghỉ hưu nếu hai bên có nguyện vọng và khả năng đáp ứng được yêu cầu cầu;
 - + Xem xét thông qua việc bổ nhiệm KTT Công ty
- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT.
- Các nội dung khác.

Nội dung phiên họp lần 6: 05/ 6/2023

- Thông qua kết quả SXKD tháng 4 và 4 tháng.
- Kế hoạch SXKD 9 tháng cuối năm và điều chỉnh Kế hoạch năm 2023.
- Công tác nhân sự của Công ty.

Nội dung phiên họp lần 7: 18/7/2023

- Sơ kết kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm.
- Kế hoạch sản lượng còn lại 6 tháng cuối năm theo kế hoạch đã điều chỉnh.
- Báo cáo Tài chính Quý I.
- Báo cáo quản trị bán niên (6 tháng đầu năm 2023).
- Đối với công tác kỹ thuật: Công nghệ pin không chì và các giải pháp kéo dài HBQ của Pin.

Nội dung phiên họp lần 8: 15/8/2023

- Thông qua kết quả tháng 7.
- Xem xét khả năng hoàn thành kế hoạch tháng 8.
- Các biện pháp hoàn thành nhiệm vụ 5 tháng cuối năm.
- Thông qua báo cáo quyết tài chính quý I và 6 tháng.
- Vấn đề xem xét bổ sung các nội dung đầu tư.
- Thông qua báo cáo của ban kiểm soát.

Nội dung phiên họp lần 9: 29/9/2023

- Thông qua báo cáo tài chính quý I và 6 tháng năm 2023.
- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.
- Thông qua các vấn đề đầu tư bổ sung.
- Công tác cán bộ: Thảo luận và kết luận việc bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Thanh Hùng giữ chức vụ Giám đốc công ty từ ngày 01/10/2023 đến 30/09/2026.
- Về kết quả sản xuất kinh doanh tháng 8.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 9.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2023 và kế hoạch năm 2024.
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023.

Nội dung phiên họp lần 10: 31/10/2023.

- Kết quả sản xuất kinh doanh tháng 9 và 9 tháng năm 2023.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2023.
- Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023.
- Kế hoạch SXKD năm 2024.
- Giải quyết các kiến nghị của BKS.
- Xem xét thù lao của Chủ tịch HĐQT tham gia hỗ trợ BGD và phòng ban chức năng quản trị Công ty.
- Công nghệ Pin không chì, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, hạn chế tối đa hiện tượng rò rỉ sau chu kỳ sử dụng sản phẩm.
- Công tác cán bộ của Công ty.
- Liên quan đến khoản nợ của VNGP với GPBI.

Nội dung phiên họp lần 11: 06/12/2023.

- Thông qua kết quả tháng 10.
- Kết quả tiêu thụ tháng 11.
- Đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch tháng 12 và năm 2023.
- Sử dụng chi phí bán hàng còn lại.
- Một số nội dung khác

Ngoài các nội dung họp nêu trên, HĐQT đã thực hiện những hoạt động khác trong năm như sau:

- Ủy quyền BGD tăng lượng tồn kê m thời phục vụ sản xuất. Mặt khác khả năng tháng 7 kê m Thái Nguyên không cung cấp được kê m cần phải khai thác thêm nhà cung cấp

kẽm ngoại để chủ động nguyên liệu khi kẽm thái nguyên có vấn đề. Ủy quyền BGD tham gia đấu giá kẽm Thái nguyên phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

- HĐQT thường xuyên theo dõi giám sát những hoạt động của Ban Giám đốc, cán bộ quản lý và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS công ty kiểm tra các nội dung theo quy định của điều lệ công ty và luật doanh nghiệp.
- Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết của HĐQT.
- HĐQT ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;
- HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): **Không**

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	01/2023/NQ-HĐQT	27/02/2023	Chốt danh sách cổ đông phục vụ tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
2	02/NQ – HĐQT	21/04/2023	Chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức đợt 3-2022.	100%
3	03/QĐ-HĐQT	8/5/2023	QĐ bổ nhiệm Kế toán Trưởng của Công ty	100%
4	04/QĐ – HĐQT	5/6/2023	QĐ miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Yarmalu Prasad Tantry	100%
5	05/QĐ – HĐQT	5/6/2023	QĐ Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Lam Wai Man Edward	100%
6	06/2023/HĐQT-PHN	05/6/2023	QĐ Tổng đơn giá tiền lương năm 2023.	100%
7	08/2023/NQ- HĐQT	29/9/2023	Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức	100%

			lần 1 năm 2023	
8	09/2023/QĐ – HDQT	29/9/2023	Bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Thanh Hùng giữ chức vụ Giám đốc công ty	100%
9	10/2023/NQ- HDQT	31/10/2023	Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023 và phê duyệt Kế hoạch năm 2024	100%
10	11/2023/QĐ- HDQT	31/10/2023	Chi trả thù lao cho Chủ tịch HDQT	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:*

1- Bà Nguyễn Thị Thanh Hải Trưởng ban; Trình độ: Cử nhân chuyên ngành Tài Chính - Kế toán

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: 34.965 CP

2- Ông Nguyễn Thanh Đức Ủy viên; Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Chức vụ Trưởng Phòng KTCN-MT-KCS. Số cổ phần sở hữu: 8.303 CP

3- Ông Huỳnh Tín Đình Ủy viên;

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/).

Căn cứ vào điều 38 Điều lệ Công ty, căn cứ vào quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Các thành viên BKS luôn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thường xuyên trao đổi, góp ý kiến về trưởng ban để tổng hợp.

Hoạt động của Ban kiểm soát mỗi quý tổ chức họp một lần nhằm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành các quy định về pháp luật, Điều lệ Công ty.

Tổ chức phiên họp cuối năm nhằm tổng kết phân tích, đánh giá toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành trong năm, kết quả kiểm tra, kiểm soát được gửi biên bản thông báo đến HĐQT, Ban Điều hành theo quy định.

Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT và trực tiếp đóng góp ý kiến.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập và luôn phối hợp với HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát luôn được Công ty cung cấp thông tin, tài liệu chính xác, kịp thời để phục vụ việc kiểm tra, kiểm soát.

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc và người quản lý khác.

Chịu trách nhiệm trước cổ đông về sự giám sát của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:*

Báo cáo về thu nhập của các UVHĐQT; BKS năm 2023:

- Nghị quyết số 06/2023/HĐQT- PHN ngày 5 tháng 6 năm 2023 của HĐQT về Tổng Đơn giá tiền lương áp dụng cho năm 2023; Quy chế tiền lương năm 2023;
- Phụ cấp HĐQT và BKS theo QĐ số 146/HĐQT-PHN năm 2017, Nghị quyết số 11/2023/QĐ- HĐQT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của HĐQT về thù lao làm việc của Chủ tịch HĐQT.

Theo đó:

- Tiền lương: Các thành HĐQT và BKS không hưởng lương chuyên trách mà chỉ hưởng lương theo cương vị, chức vụ trong điều hành và quản lý tại Công ty.

Mức lương tháng hiện hành:

Chức danh	Lương cơ bản	Thưởng	Cơ công nghiệp	Tổng
Giám đốc	20.264.353	25.026.476	520.000	45.810.829
Phó giám đốc	16.200.414	20.007.511	520.000	36.727.925
Kế toán trưởng	13.404.822	13.565.680	520.000	27.490.502

09

Trưởng phòng – Quản đốc	12.472.959	11.412.757	520.000	24.405.716
-------------------------	------------	------------	---------	------------

- Phụ cấp HĐQT và BKS:

Chủ tịch HĐQT:	5.000.000/tháng
Ủy viên HĐQT:	3.000.000/tháng
Trưởng ban Kiểm soát:	3.000.000/tháng
Ủy viên Ban Kiểm soát:	2.000.000/tháng
Thư ký Công ty	2.000.000/tháng

- Ngoài ra đối với các UV HĐQT; Thành viên Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành và quản lý còn được hưởng thù lao: 1.000.000đ/ngày làm việc khi tham dự các phiên họp do HĐQT triệu tập. Chủ tịch HĐQT hưởng thù lao 2.000.000 đ/ ngày làm việc thực tế.

Tình hình thu nhập thực tế của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2023 (Số đã chi trả):

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương + thưởng	Phụ cấp	Thù lao	Tổng cộng
Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT		60.000.000	187.777.776	247.777.776
Nguyễn Thanh Hùng	UV HĐQT – Giám đốc	550.680.720	36.000.000		586.680.720
Nguyễn Cao Sơn	UV HĐQT – PGĐ	429.422.485	36.000.000		465.422.485
Võ Khánh Toàn	UV HĐQT – PGĐ	440.315.964	36.000.000		476.315.964
Nguyễn Thanh Quang	Quản đốc PX Pin số 2. Thư ký C ty từ T10 năm 2022	298.294.355	24.000.000		322.294.355
Quek Guet Ngoh	UV HĐQT		9.000.000	2.500.000	11.500.000
- Ông Lam Hin Lap Michael	UV HĐQT bổ nhiệm mới từ ĐHCĐ năm 2022		33.000.000	9.375.000	42.375.000

Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát		36.000.000	63.333.333	99.333.333
Huỳnh Tín Đình	UV BKS, Phiên dịch HĐQT từ T10 năm 2022		18.000.000	82.500.001	100.500.001
Nguyễn Thanh Đức	UV Ban Kiểm soát	295.499.010	24.000.000		319.499.010
Edward Lam	UV HĐQT. Bổ nhiệm TVHĐQT từ T5 năm 2023				-
Ông Yarmalu Prasad Tantry	UV HĐQT miễn nhiệm từ T5 năm 2023				

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders:*

- Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người liên quan: **Không**

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn:

STT	Họ và tên	Số cp năm giữ đầu năm	Số cp năm giữ cuối năm	Tăng giảm trong năm
1	Cổ đông lớn			
	Lê Xuân Lương	421.400 (5,81%)	425.700 (5,87%)	+4.300 cp
2	Người liên quan của Cổ đông Lê Xuân Lương			
	Lê Thị Quý	192.700	192.700	0

Các cổ đông lớn khác và người liên quan khác không có biến động.

Ghi chú: Biến động năm giữ cổ phiếu của Công ty trong năm được tham chiếu từ danh sách do VSD chốt ngày 30/11/2022 và danh sách chốt ngày 31 tháng 10 năm 2023 tính cho số cuối năm.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders: Không có*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

Nơi nhận:

- Công bố thông tin
- HĐQT, Ban Kiểm soát
- Lưu HC, Thư ký Công ty

**Người đại diện theo pháp luật
Giám đốc Công ty**



Nguyễn Thanh Hùng